

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIỒNG RIỀNG
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 67/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 29 - 7 - 2022

V/v: “*Tranh chấp hôn nhân và
gia đình - ly hôn*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG RIỀNG, TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Văn Hôm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Mẫn

2. Ông Hà Bửu Khánh

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Mỹ Nhan – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Nguyễn Thị Diễm Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 24/2022/TLST- HNGĐ, ngày 24 tháng 01 năm 2022 về việc “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình - ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 104/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 6 năm 2022. Giữa:

1. *Nguyên đơn:* Chị Phạm Thanh Th, sinh năm: 1997; địa chỉ: ấp Hòa Bình, xã Hòa Lợi, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang (có đơn xin vắng mặt)

2. *Bị đơn:* Anh Võ Hoàng D, sinh năm: 1991; địa chỉ: ấp Hòa Bình, xã Hòa Lợi, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 24/01/2022 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Chị Phạm Thanh Th trình bày:

Chị và anh Ddo mai mối mới quen biết nhau, được cha mẹ hai bên sắp đặt và tổ chức lễ cưới vào năm 2015, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hòa Lợi, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

Chị và anh Dchung sống hạnh phúc đến năm 2019 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không còn phù hợp tánh tình, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thường xuyên cự cãi nhau trong vấn đề tiền bạc dẫn đến mất dần tình cảm. Chị và anh Dđã sống ly thân từ đó cho đến nay.

Trong quá trình chung sống chị và anh Dkhông có con chung, không tạo lập tài sản chung và không có nợ chung.

Nay chị Thkhởi kiện yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết cho chị được ly hôn với anh D.

Về con chung, tài sản và nợ chung: Không có

Anh D đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án nhưng hết thời gian quy định vẫn không gửi văn bản nêu ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tòa án đã triệu tập anh D đến tham dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải đến lần thứ hai và triệu tập đến tham dự phiên tòa đến lần thứ hai nhưng anh D vẫn vắng mặt, không rõ lý do.

Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Về trình tự thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, đương sự được thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình được quy định tại Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Chị Thỏa, anh D cưới nhau và có đăng ký kết hôn nên quan hệ hôn nhân giữa anh, chị là hợp pháp.

Chị Tho cho rằng cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc, vợ chồng thường xuyên cự cãi nhau và đã ly thân từ năm 2019 cho đến nay. Anh D không có ý kiến phản đối gì đối với yêu cầu khởi kiện của chị Thỏa. Điều đó chứng tỏ, anh chị đã không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau trong một thời gian dài, đã vi phạm nghiêm trọng về quyền, nghĩa vụ của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân. Chị Tho thương quyết xin ly hôn với anh D, chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, chị Tho yêu cầu ly hôn với anh D là có căn cứ, phù hợp theo quy định khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về con chung, tài sản và nợ chung: Không có.

Về án phí, buộc chị Tho phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Chị Tho khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh D nên đây là “Tranh chấp về hôn nhân và gia đình – ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Anh D là bị đơn trong vụ án có nơi cư trú tại huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

Chị Tho có đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 27/6/2022, anh D đã được Tòa án triệu tập họp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt chị Thỏa, anh D theo quy định tại khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

- Xét về hôn nhân: Chị Tho và anh D chung sống với nhau vào năm 2015, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hòa Lợi, huyện Giồng Riềng nên hôn nhân của anh, chị là hợp pháp. Theo chị Tho trình bày, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2019 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do không còn phù hợp tánh tình, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thường xuyên cự cãi

nhau trong vấn đề tiền bạc dẫn đến mất dần tình cảm, chị và anh Đã sống ly thân từ năm 2019 cho đến nay. Nhưng đây chỉ là ý kiến của riêng chị Thỏa, bản thân anh Trọng không có ý kiến gì giao nộp. Theo quy định tại khoản 2 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự: “*Đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó*”. Nhưng anh D không có ý kiến phản đối với yêu cầu khởi kiện của chị Thỏa. Mặt khác, anh chị đã ly thân từ năm 2019, từ đó đến nay hai bên không quan tâm, chăm sóc, lo lắng cho nhau trong thời gian dài nên đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng. Hội đồng xét xử xét thấy hôn nhân của anh, chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích xây dựng hôn nhân lâu dài bền vững không đạt được. Vì vậy, chị Thêu cầu được ly hôn với anh D là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

- Về con chung, tài sản và nợ chung: Không có.

[3] Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Án phí ly hôn sơ thẩm chị Th phải nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí chị Th đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số 0005740 ngày 24 tháng 01 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 238, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho Chị Phạm Thanh Th được ly hôn với Anh Võ Hoàng D.

2. Về con chung, tài sản và nợ chung: Không có

3. Về án phí: Án phí ly hôn sơ thẩm Chị Phạm Thanh Th phải nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí chị Th đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số 0005740 ngày 24 tháng 01 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Chi cục THA dân sự huyện;
- UBND xã;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Dương Văn Hâm